TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2025/QĐST-DS	*B, ngày 16 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: **230**/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ trụ sở: Số 191 B, phường L, quận H, TP. H.

Đại diện theo pháp luật: Ông L – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Việt N – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc B Chi nhánh Sở Giao dịch 1.

Người được ủy quyền lại: Ông Hà Trung H – Chức vụ: Giám đốc PGD Đ

1.2. Bị đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1971;

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974.

Cùng HKTT: TDP số 3, phường Đ, quận B, TP. H.

1.3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Phi L, sinh năm 1994;

- Chị Tạ Thị Thanh N, sinh năm 1994;

- Lê Thị Huyền A, sinh năm 2000;

Cùng HKTT: TDP số 3, phường Đ, quận B, TP. H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị L có ký Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/1378796/HĐTD ngày 23/08/2018 và Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2019/1378796/12015000010938/HĐTD ngày 31/07/2019 với nội dung chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/1378796/HĐTD ngày 23/08/2018;

Số tiền vay tối đa: **1.000.000.000 VND** *(Bằng chữ: Một tỷ đồng);*

- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2019/1378796/12015000010938/HĐTD ngày 31/07/2019;

Số tiền vay tối đa: **1.000.000.000 VND** *(Bằng chữ: Một tỷ đồng).*

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/1378796/HĐTD ngày 23/08/2018, ông T và bà Lcó nghĩa vụ trả nợ gốc Ngân hàng trong 120 kỳ (mỗi kỳ 1 tháng) vào ngày 05 hàng kỳ với số tiền gốc mỗi kỳ là 8.333.333 VND, riêng kỳ cuối, số tiền trả nợ gốc là 8.333.373 VND; nợ lãi cùng với kỳ hạn trả nợ gốc; kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 05/10/2018.

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/1378796/HĐTD ngày 23/08/2018, ông T và bà L có nghĩa vụ trả nợ gốc Ngân hàng vào ngày đáo hạn Hợp đồng là ngày 31/07/2020; nợ lãi trả vào ngày 28 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên là kỳ 28/08/2019.

Tuy nhiên, từ kỳ trả nợ ngày 05/05/2020, vợ chồng ông T và bà L bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nợ, yêu cầu trả nợ; Ông T và bà L cũng nhiều lần xác nhận nợ, cam kết trả nợ nhưng vẫn không thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Vậy, (tạm) tính đến hết ngày 07/01/2025, tổng dư nợ (bao gồm dư nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt gốc quá hạn) của Ông Lê Minh T và Bà Nguyễn Thị L tại B SGD1 là: 1.079.835.027 VND (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm hai mươi bảy đồng). Trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số: 01/2018/1378796/HĐTD ngày 23/08/2018:

+ Dư nợ gốc đến hết ngày 07/01/2025: 550.274.324 VND.

+ Dư nợ lãi đến ngày 07/01/2025: 388.576.458 VND.

+ Dư nợ lãi phạt gốc quá hạn đến ngày 07/01/2025: 47.353.413 VND.

- Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2019/1378796/12015000010938/HĐTD ngày 31/07/2019:

+ Dư nợ gốc đến hết ngày ngày 07/01/2025: 0 VND

+ Dư nợ lãi đến hết ngày ngày 07/01/2025: 0 VND

+ Dư nợ lãi phạt gốc quá hạn đến hết ngày 07/01/2025: 93.630.832 VND.

2.2. Nay Ngân hàng TMCP B và vợ chồng ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị L thống nhất thỏa thuận cho ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị L được trả nợ theo lộ trình như sau:

Lần 1: Chậm nhất đến ngày 30/3/2025, ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị L trả cho Ngân hàng B số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc;

Lần 2: Chậm nhất đến ngày 30/5/2025 ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị L sẽ thanh toán 250.274.324 đồng nợ gốc.

Lần 3: Chậm nhất đến ngày 30/09/2025, ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị L sẽ thanh toán cho B số tiền lãi đến ngày 07/01/2025 là 388.576.458 VND và lãi phát sinh sau ngày 07/01/2025 để tất toán các Hợp đồng nêu trên.

2.3. Kể từ ngày Tòa án ra Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, nếu ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị L không thực hiện, thực hiện không đúng bất kỳ lần/đợt thanh toán nào nêu trên cho Ngân hàng TMCP B toàn bộ nợ gốc, dư nợ lãi và lãi phát sinh nêu trên theo đúng như thỏa thuận nêu trên thì TMCP B có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 36, xã Đ, huyện T (nay là phường Đ, quận B), thành phố H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 211050, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H1061, số QĐ: 3217/QĐ-UBND do UBND huyện T, thành phố H cấp ngày 18/08/2008.

Nếu tài sản bảo đảm cho khoản vay khi phát mại vẫn không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị L vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết dư nợ còn thiếu cho Ngân hàng TMCP B.

2.4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị L chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành là: 24.755.000đ (Hai mươi tư triệu bảy trăm năm mươi năm nghìn đồng).

Trả lại Ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí là 24.379.000đ (Hai mươi tư

triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0075445 ngày 05/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND TP H;
- VKS ND B;
- Chi cục THA DS B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Quang H